

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST

Ngày 28-9-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lữ Khắc Hồi;

Bà Trần Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 661/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn:

Bà Phạm Thị L (Phạm Thị E), sinh năm 1970 (vắng mặt);

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2021 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị T là nguyên đơn trình bày: Bà Phạm Thị T với bà Phạm Thị L (tên thường gọi là Phạm Thị E) là chị em ruột. Ngày 03 tháng 02 năm 2015 (âm lịch), ông Nguyễn Văn N là chồng của bà Phạm Thị L có đến hỏi

mượn của bà T 50.000.000 đồng để chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có làm biên nhận. Đến ngày 16 tháng 11 năm 2016, bà L đến vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng để làm vốn làm ăn, mua bán và có làm biên nhận. Ngày 26 tháng 8 năm 2015 (dương lịch) bà L có đến nhờ bà T nộp giùm số tiền thi hành án với số tiền 82.600.000 đồng theo quyết định số 834 ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Lý do là bà L không có tiền trả cho bà Nguyễn Thị Bích P nên cơ quan thi hành án phong tỏa tài sản của bà L. Bà T là người mua đất của bà L nhưng chưa làm thủ tục sang tên nên bà T nộp tiền thi hành án giùm cho bà L. Bà L hứa sau đó sẽ trả lại cho bà T. Tuy nhiên, bà T nhiều lần nhắc nhở nhưng bà L không trả. Hiện bà T còn giữ biên lai thu tiền thi hành án.

Nay bà Phạm Thị T yêu cầu bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn N phải trả cho bà L số tiền 182.600.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

Bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại các phiên họp hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp L đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp L đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông N.

[2] Về mặt nội dung: Xét thấy việc bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn N nợ bà Phạm Thị T số tiền 182.600.000 đồng là có thật. Thể hiện qua biên nhận ngày 03 tháng 02 năm 2015 (âm lịch) có chữ ký, ghi họ tên Nguyễn Văn N; biên nhận ngày 16 tháng 11 năm 2016 có ký tên và ghi họ tên Phạm Thị E (tên thường gọi của bà Phạm Thị T); biên lai thu tiền thi hành án số 0017062 ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thể hiện nội dung bà Phạm Thị T nộp thay bà Phạm Thị L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà L và ông N nhưng bà L và ông N vắng mặt. Do bà L, ông N không có bản tự khai gửi cho Tòa án nên Tòa án đã ra quyết định yêu cầu bà L, ông N cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đưa ra. Tuy nhiên, hết thời hạn thông báo bà L, ông N vẫn không có ý kiến gì. Vì vậy xem như bà L, ông N không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như các tài liệu, chứng cứ bà T đưa ra. Do đó, yêu cầu của bà T yêu cầu bà L, ông N trả số tiền 182.600.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà L, ông N phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 182.600.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Bà Phạm Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 466; điểm c khoản 1 Điều 668 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn N trả cho bà Phạm Thị T số tiền 182.600.000 đồng.

Về tiền lãi: Bà Phạm Thị T không có yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn N phải chịu 9.130.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền 4.565.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0005387 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Khoa